TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21/02/2025
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thanh Tuyền

Bà Trương Thị Như Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Mãi - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về "ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 222/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Từ Như Y**, sinh năm 2004

Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Hoàng N**, sinh năm 2001

Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Từ Như Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hoàng N được người thân mai mối, sau đó tự tìm hiểu nhau được 02 tháng rồi tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự

nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau vào năm 2023. Vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị không hòa hợp nhau, suy nghĩ khác nhau và thường hay cự cãi. Anh N hay ghen tuông vô cớ, đôi khi còn đánh chị, chị cố gắng nhẫn nhịn, khuyên nhủ nhưng anh N không thay đổi. Từ tháng 4/2024 đến nay chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống, anh N cũng không có liên lạc hay quan tâm gì đến chị. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục sống chung nên chị xin ly hôn với anh N để mỗi người có cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị Y xác định anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh N không có nợ chung ai, không phát sinh tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Chị xác định chị và anh N không có, không phát sinh tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Hoàng N vắng mặt, không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, riêng bị đơn anh N vắng mặt tại phiên họp và phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị Y được ly hôn với anh N; Về con chung, cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh N vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp,

tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh N .

[2] Về quan hệ hôn nhân, chị Y và anh N tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đến năm 2023 đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Nguyên nhân dẫn đến ly hôn, chị Y cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không hòa hợp nhau về suy nghĩ, tính cách, thường hay cãi nhau. Anh N hay ghen tuông vô cớ, đôi khi còn đánh chị. Từ tháng 4/2024 đến nay chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống, anh N cũng không có liên lạc hay quan tâm gì đến chị. Vợ chồng đã ly thân, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, anh chị không thể cùng nhau xây dựng gia đình. Còn anh N vắng mặt, không có ý kiến, không tham gia các phiên họp và phiên tòa sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình chung sống với nhau chị Y và anh N có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, nhưng không khắc phục được.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh N không đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng, Hội đồng xét xử có căn cứ để cho rằng hôn nhân giữa anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, anh chị đã sống ly thân thời gian dài nhưng không khắc phục được mâu thuẫn để vợ chồng tiếp tục chung sống nên không có khả năng đoàn tụ. Do đó, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y với anh N .

[4] Về con chung: Chị Y xác định anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Y xác định anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị Y xác định anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí, nguyên đơn chị Y phải chịu án phí ly hôn theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Từ Như Y được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng N .

2. Về con chung: Chị Y xác định anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

3. Về nợ chung: Chị Y xác định anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Y xác định anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Y phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0005163 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Xuyếnận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Văn Bảnh